

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
cùng với Báo cáo của Kiểm toán viên*

MST: 3900244205

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 2
2. Báo cáo Kiểm toán	3
3. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	4 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 – 19

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày bản báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

- | | |
|------------------------|----------------|
| - Ông VẦN CÔNG PHONG | Giám đốc |
| - Bà BUI THỊ KIM HOÀNG | Kế toán trưởng |

2. Hoạt động kinh doanh chính

Công ty TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH là công ty TNHH MTV được thành lập theo giấy phép đăng ký số 3900244205 ngày 03/12/2008 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Tây Ninh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 21/01/2011.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật công trong kiểm tra, đánh giá, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các loại xe cơ giới đang lưu hành, các loại xe máy chuyên dùng, xe máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp có tham gia giao thông đường bộ. Giám định trạng thái kỹ thuật xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc của chủ phương tiện. Tham gia giám định sự cố, tai nạn liên quan đến kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước. Tổ chức hoạt động dịch vụ tư vấn kỹ thuật ngoài công ích theo quy định của Cục đăng kiểm và của pháp luật. Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học (theo kế hoạch của Cục đăng kiểm, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao).

Trụ sở của Công ty đặt tại đường Trần Phú, ấp Ninh Trung, xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam.

4. Vốn pháp định

Vốn điều lệ Công ty tăng lên 30.000.000.000 (30 tỷ) đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Số 3900244205 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/01/2011. Trong năm 2011, vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng là do kết chuyển từ nguồn vốn xây dựng cơ bản 12.729.411.711 đồng quỹ đầu tư phát triển 1.367.232.137 đồng và quỹ dự phòng tài chính 474.436.115 đồng. Trong năm 2012, Công ty góp bổ sung vốn điều lệ 7.000.000.000 đồng theo chứng từ ngân hàng PTNH-143, ngày 21/11/2012 và 66.177.594 đồng từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo phiếu nội bộ PNBO-47, ngày 30/09/2012. Vốn điều lệ còn thiếu 2.785.593 tại ngày 31/12/2012.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải điều chỉnh hay trình bày trong các Báo cáo Tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

6. Công ty Kiểm toán

CN Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo Tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho Công ty.

7. Cam kết của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc, Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo Tài chính tuân thủ hệ thống kế toán đã đăng ký. Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc cũng nhận thấy rằng đến ngày lập báo cáo này Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tây Ninh, ngày 26 tháng 03 năm 2013

TM. Ban Giám đốc



VĂN CÔNG PHONG
GIÁM ĐỐC

Số: 022.11/2012/AU

TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính của Công ty TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Đăng Kiểm Xe Cơ Giới Tây Ninh

Chúng tôi, CN Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo Tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 26 tháng 03 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Đăng Kiểm Xe Cơ Giới Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 04 đến trang 19.

Việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo Tài chính dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được chấp nhận tại Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo Tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo Tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo Tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo Tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đăng Kiểm Xe Cơ Giới Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CN Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam**Kiểm toán viên****NGUYỄN PHÚ HIỀN**Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0534/KTV
Do Bộ Tài Chính cấp**NGUYỄN HOÀNG NGUYÊN**Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0704/KTV
Do Bộ Tài Chính cấp

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số: B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: Đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.790.472.288	5.717.397.160
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	V.1	4.697.224.578	2.908.279.893
Tiền	111		4.697.224.578	2.908.279.893
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	6.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
Các khoản phải thu	130	V.3	721.880.500	223.718.476
Phải thu của khách hàng	131		721.880.500	223.718.476
Các khoản phải thu khác	138		-	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
Hàng tồn kho	140	V.4	1.371.367.210	1.574.528.309
Hàng tồn kho	141		1.371.367.210	1.574.528.309
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	-	1.010.870.482
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.010.870.482
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.414.800.341	19.817.867.528
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.098.386.444	1.271.662.444
Phải thu dài hạn khác	218	V.7	1.098.386.444	1.271.662.444
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		19.191.830.961	18.314.814.169
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	16.938.297.961	18.275.294.169
- Nguyên giá	222		21.182.298.978	22.385.876.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.244.001.017)	(4.110.582.258)
TSCĐ vô hình	227	V.10	31.200.000	39.520.000
- Nguyên giá	228		64.327.273	64.327.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.127.273)	(24.807.273)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.222.333.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		124.582.936	231.390.915
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	124.582.936	231.390.915
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		33.205.272.629	25.535.264.688

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: Đồng)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.975.776.854	2.477.451.230
Nợ ngắn hạn	310		2.975.776.854	2.400.102.075
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	-
Phải trả cho người bán	312	V.18	161.903.049	-
Người mua trả tiền trước	313	V.18	-	15.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	265.706.987	88.358.014
Phải trả người lao động	315	V.18	1.543.716.945	1.150.479.726
Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	727.210.329	699.864.223
Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	320	V.18	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	277.239.544	446.400.112
Nợ dài hạn	330		-	77.349.155
Phải trả dài hạn người bán	331	V.19	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm (*)	336	V.19	-	77.349.155
Dự phòng phải trả dài hạn (*)	337	V.19	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.229.495.775	23.057.813.458
Vốn chủ sở hữu	410	V.22	30.229.495.775	23.057.813.458
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.018.718.527	19.018.718.527
Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.978.495.880	3.912.318.286
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		232.281.368	126.776.645
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		33.205.272.629	25.535.264.688

Kế toán trưởng


BÙI THỊ KIM HOÀNG

Tây Ninh, ngày 26/03/2013

Giám đốc

**VĂN CÔNG PHONG**

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B02 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	14.982.758.634	8.363.113.063
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	14.982.758.634	8.363.113.063
Giá vốn hàng bán	11	VI.28	3.183.804.561	1.263.819.459
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.798.954.073	7.099.293.604
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	131.073.617	319.760.777
Chi phí tài chính	22	VI.30	-	-
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	VI.33	4.437.496.474	1.206.670.328
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.33	6.885.222.397	5.618.196.906
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		607.308.819	594.187.147
Thu nhập khác	31		77.349.155	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		77.349.155	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		684.657.974	594.187.147
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	119.815.145	103.982.751
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		564.842.829	490.204.396
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Kế toán trưởng



BÙI THỊ KIM HOÀNG

Tây Ninh, ngày 26/03/2013

Giám đốc



VĂN CÔNG PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		684.657.974	594.187.147
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		141.738.759	1.225.647.989
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(131.073.617)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi</i>	08		695.323.116	1.819.835.136
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		685.984.458	(2.162.446.751)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		203.161.099	(1.000.620.716)
- Tăng, giảm khoản phải trả	11		498.325.624	776.624.697
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		106.807.979	(162.522.065)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(113.926.550)	(83.182.869)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		105.504.723	73.288.956
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(570.731.424)	(14.179.532.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.610.449.025	(14.918.556.278)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.412.934.818)	(5.416.197.088)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		1.394.179.267	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6.357.854.600
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		131.073.617	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.887.681.934)	941.657.512
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7.066.177.594	14.571.079.963
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.066.177.594	14.571.079.963
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.788.944.685	594.181.197
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.908.279.893	2.314.098.696
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.697.224.578	2.908.279.893

Kế toán trưởng

BÙI THỊ KIM HOÀNG



CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: Đồng)

Bản thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo Tài chính cho kỳ kế toán cho niên độ từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2012 của CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH. Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo Tài chính.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH được thành lập theo giấy phép đăng ký số 3900244205 ngày 03/12/2008 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Tây Ninh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 21/01/2011 với nội dung tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 đồng.

- Hình thức hoạt động: Công ty TNHH một thành viên vốn nhà nước
- Trụ sở và nhà xưởng của công ty đặt tại: Đường Trần Phú, ấp Ninh Trung, xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật công trong kiểm tra, đánh giá, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các loại xe cơ giới đang lưu hành, các loại xe máy chuyên dùng, xe máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp có tham gia giao thông đường bộ. Giám định trạng thái kỹ thuật xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc của chủ phương tiện. Tham gia giám định sự cố, tai nạn liên quan đến kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước. Tổ chức hoạt động dịch vụ tư vấn kỹ thuật ngoài công ích theo quy định của Cục đăng kiểm và của pháp luật. Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học (theo kế hoạch của Cục đăng kiểm, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao).

- Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh: Không có

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ tài chính năm: Bắt đầu 01/01 và kết thúc 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ trong hạch toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam. Các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền Việt Nam quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tỷ giá hạch toán cuối năm là 20.828 Đồng/USD.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan của các cơ quan Nhà nước Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và những quy định được áp dụng phổ biến tại Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Phương pháp kế toán tiền mặt và khoản tương đương tiền

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán như sau: Tất cả các giao dịch bằng đồng tiền khác đều được quy ra đồng tiền Việt Nam tại thời điểm giao dịch theo tỷ giá bình quân do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2. Phương pháp kế toán hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho được đánh giá theo nguyên tắc giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá hàng tồn kho cuối kỳ: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai định kỳ.

Hàng tồn kho được lập dự phòng: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định hữu hình: Theo nguyên tắc giá gốc

Khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo Thông tư 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

Thời gian hữu dụng của các loại tài sản cố định ước tính chủ yếu như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Năm</u>
Nhà cửa	5% - 12.5%	8 - 20
Máy móc thiết bị	5% - 12.5%	8 - 12
Phương tiện vận chuyển	10%	10
Dụng cụ, thiết bị	20% - 33%	3 - 5

Tài sản cố định vô hình thể hiện bản quyền hệ thống quản lý ISO, phần mềm kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Theo giá thực tế ban đầu

Khấu hao bất động sản đầu tư: Phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo Thông tư 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc và giá trị được lập dự phòng của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được phản ánh theo giá gốc, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc ban đầu thì khoản đầu tư này được lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư nhỏ hơn giá trị gốc thì Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá đầu tư.

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa chi phí đi vay).

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước bao gồm Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất,...có thời hạn sử dụng lớn hơn 01 (một) năm không được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình sẽ được phân bổ vào báo cáo lãi lỗ theo thời gian sử dụng ước tính theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm ,.... Khoản chi phí phải trả được thực hiện theo kế hoạch chi phí phát sinh.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn khác của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân tặng, biếu sau khi đã trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến tài sản được biếu tặng này.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước qui định hoặc Hội đồng định giá tài sản thống nhất xác định.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái giữa ngày giao dịch và ngày thanh toán của mọi khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Khi giao dịch phát sinh và được thanh toán trong cùng kỳ kế toán, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được hạch toán trong kỳ đó. Nếu giao dịch được thanh toán ở các kỳ kế toán sau, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính theo sự thay đổi của tỷ giá hối đoái trong từng kỳ cho đến kỳ giao dịch đó được thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Được ghi nhận khi đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua đồng thời bảo đảm là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu không được ghi nhận khi có những bằng chứng không chắc chắn hàng được chấp nhận hoặc hàng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao và được chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái, và các khoản thu nhập hoạt động tài chính khác được xác định.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Là doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng. Và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái, các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Không đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác được trình bày trên cơ sở tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

16. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư theo yêu cầu trình bày của Hệ thống Kế toán Việt Nam nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính thì có số dư bằng không.

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Niên độ kế toán kỳ trước: từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

Niên độ kế toán kỳ này: từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

1. Tiền	31/12/2012	01/01/2012
- Tiền mặt	324.873.700	304.628.404
- Tiền gửi ngân hàng	4.372.350.878	2.603.651.489
<u>Trong đó:</u>		
Tiền gửi ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	4.372.350.878	2.603.651.489
Cộng	4.697.224.578	2.908.279.893
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
- Đầu tư ngắn hạn khác	6.000.000.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	6.000.000.000	-

Ghi chú: Các khoản đầu tư ngắn hạn: là tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển chi nhánh Tây Ninh theo Hợp đồng số 1018/HDTG ngày 22/12/2012 lãi suất 9%, thời hạn 1 tháng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
- Phải thu của khách hàng	721.880.500	223.718.476
<u>Trong đó:</u>		
Phải thu Bảo hiểm Bảo Việt	8.360.000	-
Phải thu Bảo hiểm PJCO	4.345.000	-
Phải thu Ngân Long	93.473.000	80.608.000
CN Bảo hiểm AAA Tây Ninh	306.383.455	2.365.000
CN Bảo hiểm AAA Đồng Nai	10.670.000	-
Phải thu Công ty Viễn Đông	-	55.000.000
Phải thu Bảo hiểm PVI Bình Dương	-	10.440.000
Phải thu Trạm đăng kiểm - CN Trảng Bàng	-	63.870.476
Phải thu Bảo Hiểm Nhà Rộng	-	11.435.000
Cty CP Du Lịch Thương Mại Tây Ninh	6.633.000	-
Cty CP Bourbon Tây Ninh	16.946.600	-
Cty CP Vật Liệu và Xây Dựng Tây Ninh	86.009.000	-
Ông Lê Trúc Lâm	38.430.000	-
Trung tâm giới thiệu việc làm Tỉnh TN	4.779.500	-
Ông Phan Văn Chở	56.325.000	-
Ông Đỗ Thanh Hải	31.670.000	-
Đã thu ngày 05/01/2013 (Ủy ban Tỉnh Tây Ninh)	42.856.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	721.880.500	223.718.476

Ghi chú: Các khoản phải thu của khách hàng đã được xác nhận tại ngày 31/12/2012.

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

4. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
- Công cụ, dụng cụ	651.808.551	976.575.838
- Hàng hóa	719.558.659	597.952.471
+ Hàng hóa	719.558.659	597.952.471
+ Hàng hóa bất động sản	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	1.371.367.210	1.574.528.309

Ghi chú: Hàng tồn kho cuối năm tại ngày 31/12/2012 đã được tiến hành kiểm kê.

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước và tài sản lưu động khác

a. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	31/12/2012	01/01/2012
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	1.010.870.482
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	-	-
Cộng	-	1.010.870.482

6. Phải thu dài hạn nội bộ

7. Phải thu dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
- Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
- Phải thu dài hạn khác	1.098.386.444	1.271.662.444
+ Phải thu dài hạn khác	1.098.386.444	1.271.662.444
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
Cộng	1.098.386.444	1.271.662.444

Ghi chú: Phải thu dài hạn khác là khoản tiền Công ty đã trả hộ tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện dự án Đầu tư Chi nhánh kiểm định thứ 02 theo công văn xác nhận số 1732/STC-CSVG của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh ngày 23/11/2011 đồng và công văn số 380/QĐ-CT của Cục Thuế tỉnh Tây Ninh về việc bù trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào tiền thuê đất.

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	13.338.331.798	8.489.013.908	349.235.676	209.295.045	-	22.385.876.427
Tăng trong năm	-	134.420.000	-	56.181.818	-	190.601.818
+ Mua sắm mới	-	134.420.000	-	56.181.818	-	190.601.818
Giảm trong năm	117.302.195	1.166.746.572	-	110.130.500	-	1.394.179.267
+ Thanh lý, nhượng bán	117.302.195	1.166.746.572	-	110.130.500	-	1.394.179.267
Số dư cuối năm	13.221.029.603	7.456.687.336	349.235.676	155.346.363	-	21.182.298.978
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.426.222.176	2.233.293.876	296.820.000	154.246.206	-	4.110.582.258
Khấu hao trong năm	642.708.876	823.209.150	34.920.000	26.760.000	-	1.527.598.026
Thanh lý, nhượng bán	117.302.195	1.166.746.572	-	110.130.500	-	1.394.179.267
Số dư cuối năm	1.951.628.857	1.889.756.454	331.740.000	70.875.706	-	4.244.001.017
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu năm	11.912.109.622	6.255.720.032	52.415.676	55.048.839	-	18.275.294.169
Tại ngày cuối năm	11.269.400.746	5.566.930.882	17.495.676	84.470.657	-	16.938.297.961

Ghi chú: Tài sản cố định tăng trong năm là do mua mới máy photo hiệu Ricoh (56.181.818 đồng); hệ thống camera Đài Loan (44.334.000 đồng); cầu nâng 2 trụ (34.600.000 đồng); thiết bị tường lửa (38.050.000 đồng); hệ thống đường dẫn khí nén (17.436.000 đồng). Trong năm 2012, Công ty quyết định xử lý những tài sản cố định (đã khấu hao hết) do bị lỗi thời và hư hỏng nặng theo Biên bản Kiểm kê đánh giá lại Tài sản thanh lý vào ngày 30/12/2012, bao gồm: Nhà làm việc trước (44.317.657 đồng); hàng rào văn phòng làm việc (11.370.000 đồng); cổng và nhà bảo vệ (37.959.615 đồng); nhà vệ sinh (23.654.923 đồng); bình điện và đường dây (62.799.546 đồng); Thiết bị KĐ DC 1 (800.054.732 đồng); Micronet Pam1 (95.812.775 đồng); HT camera 1 (2 cái - 74.772.096 đồng); HT camera 2 (2 cái - 23.627.273 đồng); bộ đầu đọc đo tốc độ (19.478.000 đồng); thiết bị kiểm tra đèn (90.202.150 đồng); máy photo Toshiba (44.450.000 đồng); máy IBM (2 cái - 42.889.500 đồng); máy tính HP (22.791.000 đồng).

9. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành, bản quyền	Nhãn hiệu hàng hóa, giấy phép nhượng quyền	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	-	22.727.273	-	41.600.000	-	64.327.273
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	22.727.273	-	41.600.000	-	64.327.273
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	22.727.273	-	2.080.000	-	24.807.273
Khấu hao trong năm	-	-	-	8.320.000	-	8.320.000
Số dư cuối năm	-	22.727.273	-	10.400.000	-	33.127.273
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	39.520.000	-	39.520.000
Tại ngày cuối năm	-	-	-	31.200.000	-	31.200.000

Ghi chú: Tài sản vô hình là phần mềm kế toán và hệ thống quản lý ISO, trong đó hệ thống quản lý ISO đã khấu hao hết trong năm 2010 nhưng vẫn được sử dụng phục vụ cho hoạt động kinh doanh tại Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2012	01/01/2012
- Tổng số chi phí XDCB dở dang	2.222.333.000	-
Cộng	2.222.333.000	-
<i>Ghi chú: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là công trình mở rộng - lắp đặt thiết bị kiểm định.</i>		
12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư		
13. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
14. Tài sản dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn	124.582.936	231.390.915
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí trả trước cho máy móc, phụ tùng	-	-
- Trả trước công cụ, dụng cụ	124.582.936	231.390.915
- Chi phí trả trước tiền thuê đất	-	-
Cộng	124.582.936	231.390.915
15. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
- Thuế GTGT	148.385.328	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	91.181.869	85.293.274
- Thuế thu nhập cá nhân	26.139.790	3.064.740
- Thuế tài nguyên, nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	265.706.987	88.358.014

Ghi chú: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên lợi nhuận thu được. Các loại thuế khác theo Luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp
- Thuế GTGT đầu ra	-	179.828.134	31.442.806	148.385.328
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.293.274	119.815.145	113.926.550	91.181.869
- Thuế thu nhập cá nhân tại Công ty	-	67.734.802	43.734.802	24.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân thu hộ	3.064.740	17.908.510	18.833.460	2.139.790
- Tiền thuê đất	-	118.614.304	118.614.304	-
- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
- Lệ phí cấp GCN	163.687.500	2.012.251.500	1.975.648.500	200.290.500
Cộng	252.045.514	2.520.152.395	2.306.200.422	465.997.487

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

17. Chi phí phải trả	31/12/2012	01/01/2012
18. Các khoản phải trả nhà cung cấp, phải nộp ngắn hạn khác		
a. Phải trả nhà cung cấp	31/12/2012	01/01/2012
- Phải trả cho người bán	161.903.049	-
Cộng	161.903.049	-
<i>Ghi chú: Khoản phải trả cho người bán đã được xác minh tại 31/12/2012 và chi tiết tại Phụ lục 1.</i>		
b. Người mua trả tiền trước	31/12/2012	01/01/2012
- Người mua trả tiền trước	-	15.000.000
Cộng	-	15.000.000
c. Phải trả người lao động	31/12/2012	01/01/2012
- Phải trả người lao động	1.543.716.945	1.150.479.726
Cộng	1.543.716.945	1.150.479.726
<i>Ghi chú: Đây là khoản lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2012. Tổng lương thực hiện phát sinh năm 2012 đã được quyết toán theo biên bản quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2012, ngày 19/03/2013 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Tỉnh Tây Ninh.</i>		
d. Phải trả khác	31/12/2012	01/01/2012
- Kinh phí công đoàn	121.766.269	70.257.443
- Bảo hiểm xã hội	-	6.986.110
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	605.444.060	622.620.670
<i>Trong đó:</i>		
Thu hộ Bảo Việt	-	10.405.000
Thu hộ PJCO	304.365.120	232.848.200
Thu hộ lệ phí	200.290.500	163.687.500
Thu hộ Viễn Đông	89.373.040	180.224.000
Thu hộ AAA	11.415.400	-
Thu hồi khối lượng thừa Trạm ĐKTrảng bàng	-	35.455.970
Cộng	727.210.329	699.864.223
g. Dự phòng phải trả ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
h. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31/12/2012	01/01/2012
- Quỹ khen thưởng	257.158.546	292.739.346
- Quỹ phúc lợi	20.080.998	153.660.766
Cộng	277.239.544	446.400.112
19. Phải trả dài hạn		
Dự phòng phải trả	31/12/2012	01/01/2012
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	77.349.155
- Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
Cộng	-	77.349.155

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

20. Vay và nợ dài hạn

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2012
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.018.718.527	7.000.000.000	-	26.018.718.527
- Vốn khác của chủ sở hữu	3.912.318.286	66.177.594	-	3.978.495.880
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	126.776.645	105.504.723	-	232.281.368
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-

Ghi chú: Vốn điều lệ Công ty tăng lên 30.000.000.000 (30 tỷ) đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Số 3900244205 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/01/2011. Trong năm 2011, vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng là do kết chuyển từ nguồn vốn xây dựng cơ bản 12.729.411.711 đồng quỹ đầu tư phát triển 1.367.232.137 đồng và quỹ dự phòng tài chính 474.436.115 đồng. Trong năm 2012, Công ty góp bổ sung vốn điều lệ 7.000.000.000 đồng theo chứng từ ngân hàng PTNH-143, ngày 21/11/2012 và 66.177.594 đồng từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo phiếu nội bộ PNBO-47, ngày 30/09/2012. Vốn điều lệ còn thiếu 2.785.593 tại ngày 31/12/2012.

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2012	01/01/2012
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	22.931.036.813	8.359.956.850
+ Vốn góp tăng trong năm	7.066.177.594	14.571.079.963
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.997.214.407	22.931.036.813

c. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2012	01/01/2012
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	232.281.368	126.776.645
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

23. Nguồn kinh phí

31/12/2012 01/01/2012

24. Tài sản thuê ngoài

31/12/2012 01/01/2012

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2012	2011
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.982.758.634	8.363.113.063

Cộng

14.982.758.634 8.363.113.063

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

2012 2011

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2012	2011
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		14.982.758.634	8.363.113.063
Cộng		14.982.758.634	8.363.113.063
28. Giá vốn hàng bán		2012	2011
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		3.183.804.561	1.263.819.459
Cộng		3.183.804.561	1.263.819.459
29. Doanh thu hoạt động tài chính		2012	2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		131.073.617	319.760.777
Cộng		131.073.617	319.760.777
30. Chi phí tài chính		2012	2011
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2012	2011
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		119.815.145	103.982.751
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
Cộng		119.815.145	103.982.751
32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		2012	2011
33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố			
a. Chi phí bán hàng		2012	2011
- Lương bộ phận kinh doanh		3.127.126.907	780.787.288
- Chi phí khấu hao		472.712.000	140.212.803
- Chi phí bao bì, đóng gói		143.017.268	104.529.042
- Chi phí công cụ, dụng cụ		292.501.063	68.625.771
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		166.175.446	56.051.894
- Chi phí bán hàng khác		235.963.790	56.463.530
Cộng		4.437.496.474	1.206.670.328
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2012	2011
- Lương bộ phận kinh doanh		4.366.780.069	3.503.780.224
- Chi phí khấu hao		1.063.206.026	1.085.435.186
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng		716.148.290	460.209.252
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		200.251.612	151.723.422
- Chi phí quản lý khác		538.836.400	417.048.822
- Chi phí phân bổ tập đoàn		-	-
Cộng		6.885.222.397	5.618.196.906

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

(Đơn vị tính: Đồng)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Số liệu đầu năm**

- Số liệu đầu năm được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Kiểm Toán KSi Việt Nam. Các chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

2. Một số chỉ tiêu khái quát tình hình hoạt động

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2012	2011
I.	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1	Bố trí cơ cấu tài sản			
a.	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	39%	22%
b.	Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	61%	78%
2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
a.	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	9%	10%
b.	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	91%	90%
II.	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nợ phải trả	Lần	11,16	10,31
2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,30	2,38
3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,84	1,30
III.	Tỷ suất lợi nhuận			
1	Tỷ suất lợi nhuận trên thu nhập			
a.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên thu nhập	%	5%	7%
b.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên thu nhập	%	4%	6%
2	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản			
a.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2%	2%
b.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2%	2%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2%	2%

IX. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo Tài chính được phê duyệt bởi Ban Giám đốc công ty và ủy quyền cho phát hành vào ngày 26 tháng 3 năm 2013.

**BÙI THỊ KIM HOÀNG**

Kế toán trưởng

Tây Ninh, ngày 26/03/2013

VĂN CÔNG PHONG

Giám đốc

Tây Ninh, ngày 26/03/2013

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

Phu Lục 1: Chi Tiết Công Nợ Phải Trả

Tại ngày 31/12/2012

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Tên Khách Hàng	Dư Nợ	Dư Có	Ghi Chú
1	A NGÀU		30.434.000	
2	BÙI THỊ TRÌNH		1.005.000	
3	CHỈ KHƯỜNG		3.018.000	
4	CÔNG TY CP PHỤ TÙNG TỰ VẬN Ô TÔ HÀ NỘI		45.570.000	
5	CÔNG TY SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH TRIỆU		2.360.000	
6	CÔNG TY TNHH MTV 22-12 TÂY NINH		610.318	
7	CỬA HÀNG THANH PHÚC		1.180.000	
8	ĐÌNH NGUYỄN		3.080.000	
9	DN TƯ NHÂN KHÁNH HÙNG		5.623.200	
10	ĐỨC TIỀN		2.007.273	
11	DƯƠNG GIA		2.300.000	
12	GARAGE ÔTÔ NGỌC ĐỨC		1.500.000	
13	HỘ KINH DOANH THIÊN SANH		3.890.000	
14	HÔNG CƯỜNG		272.727	
15	HUỲNH THANH HỒNG		2.280.000	
16	LONG SƠN		1.800.000	
17	MINH CHÁNH		4.275.075	
18	MÔ TÔ BẾN THÀNH		2.730.000	
19	ÔTÔ MẶT TRỜI MỘC		5.765.600	
20	PHỤ TÙNG ÔTÔ HƯỜNG		20.034.956	
21	QUANG VŨ		1.620.000	
22	THÀNH ĐỨC		1.215.000	
23	TỬ THANH TÙNG		4.015.000	
24	VÕ THỊ THANH HIẾU		5.475.000	
25	KHÁCH HÀNG KHÁC		9.841.900	
	TỔNG		161.903.049	

PHÒNG TƯ PHÁP THỊ XÃ TÂY NINH
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số 1551 Q.Số 01 TP/CT.SCT/SGT
Ngày 10 Tháng 02 Năm 2014
P. TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Lệ